

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2019.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình.

2. Ông Nguyễn Xuân Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST- HNGĐ ngày 21/3/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác: Vi Thị H), sinh ngày 08/9/1982. Chứng minh nhân dân số 121337*** do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 27/5/2014.

Địa chỉ: Thôn C, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

(Chị Vi Thị Mai H xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh Văn Đình S, sinh ngày 31/10/1982.

Chứng minh nhân dân số 121392***.

Hộ chiếu số B5316*** cấp ngày 08/6/2011 (thời hạn đến ngày 08/6/2021)

ĐKKHKT: Thôn C, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Không rõ địa chỉ.

(Anh Văn Đình S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 18/01/2019 nguyên đơn chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác: Vi Thị H) trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Văn Đình S đã đăng ký kết hôn ngày 09/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Thời điểm đó chị và anh Sơn cùng làm chung tại Công ty bia H Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị ở nhờ nhà của bác ở bên xã Đ, thành phố BG. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi chị mang thai được 6 tháng thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường hay bỏ đi chơi cờ bạc, rượu chè, mang tài sản trong nhà đi cầm để chơi lô đề và thường xuyên chửi đánh chị khiến chị bị sảy thai 6 lần. Đến năm 2010, vợ chồng chị về chung sống với bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn C, xã H, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, khi đó anh S được bố mẹ đẻ chị đầu tư cho đi học nghề sửa chữa xe máy nhưng anh S vẫn thường xuyên rượu chè, cờ bạc, cầm cả xe máy của khách và đánh đập chị khiến chị phải sinh non. Đến cuối năm 2014 anh S đi lao động tại Dubai nhưng không cho chị biết địa chỉ. Từ đó đến nay vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy chị làm đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn anh Văn Đình S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Văn Chí C, sinh ngày 18/10/2010. Hiện cháu C đang ở với chị tại thôn C, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không thể về tham gia các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh S được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho chị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh S.

* Bị đơn là anh Văn Đình S – Vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh với Phòng An ninh đối ngoại, Công an tỉnh Bắc Giang và Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an để xác minh anh S có xuất khẩu lao động đi nước ngoài hay không. Căn cứ công văn trả lời của Phòng An ninh đối ngoại Công an tỉnh Bắc Giang số 252/ANĐNg(XNC) ngày 08/3/2019 và công văn trả lời số 1828/A08-P5 ngày 31/01/2019 và công văn trả lời số 3797/A08-P5 ngày 13/3/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thì xác định anh Văn Đình S, sinh ngày 31/10/1982 đã xuất cảnh ngày 11/11/2014, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại và không rõ thông tin nước đến.

Tại các biên bản làm việc ngày 13/5/2019 và ngày 20/5/2019 giữa Tòa án với bà Nguyễn Thị O – mẹ đẻ của anh S thì bà O cho biết hiện nay anh S đang đi xuất khẩu lao động tại Dubai, anh S vẫn liên lạc về với gia đình. Tuy nhiên bà O không cung cấp địa chỉ của anh S ở Dubai cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh S gửi lời khai về việc cho ý kiến đối với việc ly hôn của chị H khởi kiện anh để gửi cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Văn Đình S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kể từ khi niêm yết cho đến nay, Tòa án vẫn không nhận được ý kiến phản hồi của anh Văn Đình S.

* Tại đơn đề nghị đề ngày 18/01/2019 và biên bản làm việc ngày 28/6/2019, cháu Văn Chí C cho biết: Cháu là con của mẹ Vi Thị Mai H và bố Văn Đình S. Từ nhỏ đến nay cháu ở với mẹ là Vi Thị Mai H. Cháu hiện đang học lớp 3B, trường Tiểu học cơ sở thị trấn K. Sau khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là Vi Thị Mai H.

* Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2019, UBND xã HS xác nhận chị Vi Thị H, sinh năm 1982 là con ông Vi Xuân T, bà Nguyễn Thị H hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã HS. Ngày 09/9/2004 chị Vi Thị H đăng ký kết hôn với anh Văn Đình S, sinh năm:1982, là con ông Văn Đình L, bà Nguyễn Thị O ở cùng địa chỉ. Sau khi kết hôn ngày 28/02/2005 chị H chuyển khẩu về nhà chồng và lấy tên là Vi Thị Mai H, sinh ngày 08/9/1982. Quá trình làm chứng minh nhân dân chị H lấy tên là Vi Thị Mai H. Địa phương xác định chị Vi Thị H, sinh năm 1982 trong Giấy chứng nhận kết hôn và chị Vi Thị Mai H, sinh ngày 08/9/1982 có Chứng minh nhân dân số 121337*** do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 27/5/2014 là cùng một người.

* Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Văn Đình S vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đương sự (chị H), Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh S vắng mặt thuộc trường hợp giấu địa chỉ, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng, anh S không có quan điểm trả lời, như vậy anh S không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83- Luật hôn nhân và gia đình xử cho Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) được ly hôn với anh Văn Đình S.

Giao con chung là cháu Văn Chí C, sinh ngày 18/10/2010 cho chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) nuôi dưỡng, chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con

không đặt ra giải quyết do chị H không yêu cầu.

Chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) là nguyên đơn có đơn xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn là anh Văn Đình S, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, hiện anh S đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Văn Đình S vắng mặt không có lý do, căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Văn Đình S theo quy định tại Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, khoản 5, Điều 477 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh S.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân:

[3.1]. Chị Vi Thị H và anh Văn Đình S kết hôn ngày 09/9/2004 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương và xác định chị Vi Thị H sau khi chuyển khẩu về nhà chồng, làm chứng minh nhân dân có khai tên là Vi Thị Mai H. Do đó, HĐXX xác định chị Vi Thị H và chị Vi Thị Mai H là một người; hôn nhân giữa chị Vi Thị H (tên khác là Vi Thị Mai H) và anh Văn Đình S là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi chị mang thai được 6 tháng thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường hay bỏ đi chơi cờ bạc, rượu chè, mang tài sản trong nhà đi cầm để chơi lô đề và thường xuyên chửi đánh chị khiến chị bị sảy thai đến 6 lần. Đến năm 2010, vợ chồng chị về chung sống với bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn C, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, khi đó anh S được bố mẹ đẻ của chị H đầu tư cho đi học nghề sửa chữa xe máy nhưng anh S vẫn thường xuyên rượu chè, cờ bạc, cầm cả xe máy của khách và đánh đập chị khiến chị phải sinh non. Đến cuối năm 2014, anh S đi xuất khẩu lao động tại Dubai nhưng không cho chị biết địa chỉ. Từ đó đến nay vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy chị làm đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn anh Văn Đình S.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt 1 thời gian dài từ tháng 11/2014 (thời điểm anh S xuất khẩu đi lao động nước ngoài) cho đến nay thì vợ chồng chị H, anh S đã không còn liên lạc với nhau, cả 2 bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị H, anh S đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) và anh Văn Đình S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Văn Đình S.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị H và anh S có 01 con chung là cháu Văn Chí C, sinh ngày 18/10/2010. Hiện nay cháu C đang ở với chị H. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cháu C, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu C cũng có nguyện vọng được ở với chị H.

[4.2]. HĐXX thấy: Cháu Văn Chí C là con chung chưa thành niên, bản thân cháu C đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung, anh S hiện nay không có mặt tại Việt Nam, nguyện vọng của cháu C muốn ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Văn Chí C, sinh ngày 18/10/2010. Anh Văn Đình S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Văn Đình S về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng

vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147- Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 1, Điều 24, điểm a khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147, Điều 179; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1, Điều 24, khoản 5, Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) được ly hôn anh Văn Đình S.

2. Về con chung: Giao cho chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là Văn Chí C, sinh ngày 18/10/2010. Anh Văn Đình S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Văn Đình S về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) phải chịu 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000252 ngày

20/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Vi Thị Mai H (tên gọi khác Vi Thị H) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

- Anh Văn Đình S hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã HS;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng